

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN M  
TỈNH SÓC TRĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 71/2022/HNGĐ-ST.  
Ngày: 20 - 9 - 2022.  
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M, TỈNH SÓC TRĂNG

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Ái Mỹ.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Nguyễn Hồng Phụng.

Ông Huỳnh Văn Hiệp.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Ngô Thị Tiểu Loan – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:** Ông Đặng Văn Tài – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 19/2021/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 01 năm 2021 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 129/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Ông Nguyễn Thành L, sinh năm 1993 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Đ, xã Th, huyện Th, tỉnh Long An.

**- Bị đơn:** Bà Lương Thị Diễm Tr, sinh năm 1994 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp H, xã H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 28 tháng 8 năm 2020, tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, nguyên đơn ông Nguyễn Thành L trình bày: Ông Nguyễn Thành L và bà Lương Thị Diễm Tr kết hôn vào năm 2013, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã Thạnh Phước, huyện Th, tỉnh Long An. Sau khi kết hôn thì vợ chồng chung sống không có hạnh phúc, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Đến đầu năm 2020 thì mâu thuẫn vợ chồng càng trầm trọng nên vợ chồng không còn chung sống, bà Tr về nhà cha mẹ tại Ấp H, xã H, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng sinh sống đến nay. Ông L xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn. Do đó, ông L yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Lương Thị Diễm Tr.

- Về con chung: Ông Nguyễn Thành L và bà Lương Thị Diễm Tr có 02 người con chung tên Nguyễn Lương Thành Ph, sinh ngày 18/5/2014 và Nguyễn Lương Thành L1, sinh ngày 25/11/2015. Con chung hiện nay đang sống với ông L. Khi ly hôn, ông L yêu cầu được quyền nuôi dưỡng 02 người con chung đến đủ 18 tuổi. Ông L không yêu cầu bà Tr cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

*Đối với bị đơn bà Lương Thị Diễm Tr:* Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng cho bà Diễm Tr theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, nhưng bà Tr không liên lạc với Tòa án, không gửi ý kiến bằng văn bản cho Tòa án biết đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không đến tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm.

Tại phiên tòa hôm nay, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý, xét xử vụ án thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, bị đơn bà Lương Thị Diễm Tr đã được tổng đạt các văn bản tố tụng theo trình tự thủ tục tố tụng dân sự, vụ án được đưa ra xét xử đến lần thứ hai nhưng bà Tr vẫn vắng mặt không có lý do. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, tiến hành xét xử vắng mặt những người tham gia tố tụng nêu trên.

- Về nội Dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 238; khoản 4 điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273; Điều 278 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội; Áp dụng khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Nguyễn Thành L; Về con chung: Giao cho ông Nguyễn Thành L được quyền chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 người con chung tên Nguyễn Lương Thành Ph, sinh ngày 18/5/2014 và Nguyễn Lương Thành L1, sinh ngày 25/11/2015 đến đủ 18 tuổi. Bà Lương Thị Diễm Tr được quyền thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở; Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Nguyễn Thành L không yêu cầu bà Lương Thị Diễm Tr cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét; Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét; Về án phí sơ thẩm đề nghị Hội đồng xét xử xem xét theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn ông Nguyễn Thành L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Bị đơn bà Lương Thị Diễm Tr đã được tổng đạt các văn bản tố tụng theo trình tự thủ tục tố tụng dân sự, vụ án được đưa ra xét xử đến lần thứ hai nhưng bà Tr vẫn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng điểm a, b khoản 2 Điều 227;

khoản 3 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, tiến hành xét xử vắng mặt những người tham gia tố tụng nêu trên.

#### Về nội Dung:

[2] Ông Nguyễn Thành L và bà Lương Thị Diễm Tr kết hôn vào năm 2013, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Thạnh Phước, huyện Th, tỉnh Long An đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 16 ngày 25/3/2013. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa ông Nguyễn Thành L và bà Lương Thị Diễm Tr là hôn nhân hợp pháp. Khi thụ lý vụ án, Tòa án thông báo cho bà Lương Thị Diễm Tr về việc thụ lý vụ án theo thông báo số 19/TB-TLVA ngày 21/01/2021, nhưng bà Tr vẫn không liên hệ đến tòa án, không có ý kiến gì đối với yêu cầu ly hôn của ông L. Nay ông L giữ nguyên yêu cầu ly hôn với bà Tr, vì từ đầu năm 2020 đến nay ông L và bà Tr không còn chung sống, không còn quan tâm nhau. Xét thấy, ông L và bà Tr không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng, nếu tiếp tục kéo dài hôn nhân sẽ không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân giữa ông Nguyễn Thành L và bà Lương Thị Diễm Tr không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, nên Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Nguyễn Thành L.

[3] Về con chung: Trong thời gian chung sống ông Nguyễn Thành L và bà Lương Thị Diễm Tr có 02 người con chung tên Nguyễn Lương Thành Ph, sinh ngày 18/5/2014 và Nguyễn Lương Thành L1, sinh ngày 25/11/2015. Con chung hiện nay đang sống với ông L. Khi ly hôn, ông L yêu cầu được quyền nuôi dưỡng 02 người con chung đến đủ 18 tuổi. Ông L không yêu cầu bà Tr cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, cháu Nguyễn Lương Thành Ph đủ 07 tuổi trở lên nên Tòa án đã tiến hành ghi ý kiến của cháu Phát tại biên bản ghi lời khai ngày 09/8/2022 (BL 40) cháu Nguyễn Lương Thành Ph trình bày: Khi cha và mẹ cháu ly hôn thì cháu có nguyện vọng sống chung với cha. Xét nguyện vọng của cháu Phát là chính đáng và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Cháu Nguyễn Lương Thành L1 hiện nay do ông L đang nuôi dưỡng, để đảm bảo không làm thay đổi môi trường sống của cháu L1 nên Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình giao cho ông L được quyền chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 người con chung Nguyễn Lương Thành Ph và Nguyễn Lương Thành L1 đến đủ 18 tuổi.

Bà Lương Thị Diễm Tr được quyền thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Nguyễn Thành L không yêu cầu bà Lương Thị Diễm Tr cấp dưỡng nuôi con, nên không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí sơ thẩm: Ông Nguyễn Thành L phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí ông L đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0003451 ngày 02/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Th, tỉnh Long An. Như vậy, ông L đã thực hiện xong.

[7] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình thụ lý, xét xử vụ án và ý kiến về việc giải quyết vụ án là có căn cứ Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 238; khoản 4 Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273; Điều 278 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56; khoản 1, 2 Điều 81; khoản 1, 3 Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Thành L được quyền ly hôn với bà Lương Thị Diễm Tr.

- Về con chung: Giao cho ông Nguyễn Thành L được quyền chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 người con chung tên Nguyễn Lương Thành Ph, sinh ngày 18/5/2014 và Nguyễn Lương Thành L1, sinh ngày 25/11/2015 đến đủ 18 tuổi.

Bà Lương Thị Diễm Tr được quyền thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Nguyễn Thành L không yêu cầu bà Lương Thị Diễm Tr cấp dưỡng nuôi con, nên không đặt ra xem xét.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét.

- Về án phí sơ thẩm: Ông Nguyễn Thành L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí ông L đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0003451 ngày 02/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Th, tỉnh Long An. Như vậy, ông L đã thực hiện xong.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền yêu cầu thi hành án, thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- VKSND huyện M;
- Các đương sự;
- UBND xã Thạnh Phước,  
H. Thạnh Hóa, tỉnh Long An;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Chi cục THA dân sự huyện M;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Ái Mỹ**